



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 77/2012/TT-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2012

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 và Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thương mại về hàng hoá dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá như sau:

Điều 1. Người nộp phí, lệ phí

1. Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy phép kinh doanh các hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại quy định tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của

Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thương mại thì phải nộp phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, lệ phí Giấy phép kinh doanh các hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại.

2. Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước quản lý ngành cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá theo quy định tại Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hoá thì phải nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Điều 2. Mức thu phí, lệ phí

1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

a) Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

b) Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

c) Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

d) Mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại, Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá là 200.000 đồng/giấy/lần cấp.

2. Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại, Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tương ứng quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này.

Điều 3. Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí

1. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại hoặc cơ quan được uỷ quyền thẩm định có trách nhiệm tổ chức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và lệ phí

cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá có trách nhiệm tổ chức thu lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

2. Phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh, phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.

a) Trường hợp cơ quan thu phí đã được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động thu phí theo dự toán hàng năm thì cơ quan thu phí phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào Ngân sách nhà nước;

b) Trường hợp cơ quan thu phí không được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động thu phí hoặc được uỷ quyền thu phí ngoài chức năng, nhiệm vụ thường xuyên thì cơ quan thu phí được để lại 50% (năm mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí, phần còn lại (năm mươi phần trăm) phải nộp vào ngân sách nhà nước;

3. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại, lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá thuộc ngân sách nhà nước. Cơ quan thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Trong trường hợp uỷ quyền thu thì tổ chức được uỷ quyền thu lệ phí được để lại 50% (năm mươi phần trăm) trong tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu lệ phí, phần còn lại (50%) phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.

Thông tư này thay thế Thông tư số 72/TT-LB ngày 08 tháng 11 năm 1996 liên Bộ Tài chính - Thương mại hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định và lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại qui định tại Nghị định số 02/CP ngày 05 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các qui định về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành

một số điều của Luật quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. / *MM*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương, Văn phòng Tổng bí thư BCHTW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- UBND về phòng chống tham nhũng;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

